TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/DS-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Quốc Tiến**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trọng Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 426/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số B đường D, tổ I A, Ấp C, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị N là anh Lê Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Là đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/4/2023)

Bị đơn: Anh Nguyễn Tây N1, sinh năm 1982

Chị Võ Thị Hồng H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số F, Ấp B, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

(Anh Tú có mặt, anh N1, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N là anh Lê Thanh T trình bày:

Ngày 07/8/2020, chị Lê Thị Hồng Ngọc N có cho anh N1 và chị H vay số tiền là 118.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất, hẹn 06 tháng sau sẽ hoàn lại vốn, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 0,83%/tháng. Đến ngày 21/12/2020, chị N có cho anh N1, chị H vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 0,83%/tháng. Tổng số tiền là 218.000.000 đồng. Chị N đã giao đủ tiền cho anh N1 và chị H. Đến hạn trả nợ, chị N đã liên hệ anh N1, chị H để trả số tiền trên nhưng anh N1, chị H không thực hiện. Hiện nay anh N1, chị H còn nợ chị N số tiền là 218.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tây N1, chị Võ Thị Hồng H liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay còn nợ là 218.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định số tiền 218.000.000 đồng từ ngày 07/8/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Chị N yêu cầu anh Nguyễn Tây N1, chị Võ Thị Hồng H liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ cho chị N là 218.000.000 đồng và tiền lãi là 33.120.000 đồng (yêu cầu tính lãi theo quy định là 0,83%/tháng), cụ thể:

- Đối với số tiền vay 118.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 30 tháng 21 ngày làm tròn là 30 tháng 15 ngày, với số tiền là 29.800.000 đồng (0,83% x 118.000.000 đồng x 30,5 tháng).

- Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (19/4/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 04 tháng 09 ngày làm tròn là 04 tháng với số tiền là 3.320.000 đồng (0,83% x 100.000.000 đồng x 4 tháng).

Yêu cầu tính lãi cho đến khi anh N1, chị H trả nợ xong.

Đại diện hợp của nguyên đơn xác nhận tại Giấy mượn tiền ngày 07/8/2020 có nội dung "có mượn cô Lê Thị N – 1990" anh T xác nhận chị Lê Thị N theo giấy mượn tiền và chị Lê Thị Hồng N, sinh năm1990 là cùng một người, theo nội dung giấy mượn tiền có thông tin số căn cước công dân của chị N.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- 01 Giấy mượn tiền, đề ngày 21/12/2020, có chữ ký ghi họ tên Võ Thị Hồng H, Nguyễn Tây N1, được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên mẫu giấy A4, gồm 01 trang (Bản chính).

- 01 Giấy mượn tiền, đề ngày 07/08/2020, có chữ ký ghi họ tên Võ Thị Hồng H, Nguyễn Tây N1, được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy tập học sinh, gồm 01 trang (Bản chính).

Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N về việc yêu cầu anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ là 218.000.000 đồng và lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên (218.000.000 đồng) thì ông P không tranh chấp số tiền nào khác và số tiền này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Chị Lê Thị Hồng N yêu cầu anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H là trách nhiệm liên đới trả chị N số tiền là: 218.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định trên số tiền 218.000.000 đồng từ ngày 07/8/2020 cho đến khi trả nợ xong. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị Lê Thị Hồng N chỉ yêu cầu anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H liên đới trả cho chị N số tiền còn nợ là 218.000.000 đồng và tiền lãi 33.120.000 đồng: Đối với số tiền vay 118.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 08/02/2021 và số

tiền vay 100.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 19/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu yêu cầu anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H liên đới trả cho chị N số tiền còn nợ là 218.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 07/8/2020 anh N1 và chị H có vay của chị N số tiền là 118.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng, mục đích vay vốn là để mua đất. Đến ngày 21/12/2020 anh N1, chị H có vay thêm của chị N số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền anh N1, chị H vay là 218.000.000 đồng, những lần vay tiền đều có làm biên nhận, anh N1 và chị H đều ký tên vào biên nhận vay tiền. Việc anh N1, chị H ký biên nhận vay tiền với chị N là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, xác định việc các bên có xác lập hợp đồng vay tiền là có thật.

Sau khi vay thì anh N1, chị H đã không thực hiện đúng việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận và chị N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh N1, chị H vẫn không trả.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị N), cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn (chị N) nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn (anh N1, chị H). Tuy nhiên, bị đơn (anh N1, chị H) vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn (chị N).

Do đó, việc chị N khởi kiện yêu cầu anh N1 và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền tiền còn nợ là 218.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh N1, chị H liên đới trả số tiền lãi theo mức lãi quy định của pháp luật (0,83%/tháng) của số tiền nợ là 218.000.000 đồng, cụ thể:

Đối với số tiền vay 118.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 30 tháng 21 ngày làm tròn là 30 tháng 15 ngày, với số tiền là 29.800.000 đồng (0,83% x 118.000.000 đồng x 30,5 tháng). Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (19/4/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 04 tháng 09 ngày làm tròn là 04 tháng với số tiền là 3.320.000 đồng (0,83% x 100.000.000 đồng x 4 tháng), tổng số tiền lãi là 33.120.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo giấy mượn tiền đề ngày 07/8/2020 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án không có thể hiện việc hai bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là 06 tháng (tức đến ngày 08/02/2021). Như vậy giao dịch giữa

hai bên không có lãi suất nên nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày anh N1, chị H không thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 08/02/2021 là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 08/02/2021 đến ngày xét xử (ngày 29/8/2023) với số tiền làm tròn là 29.800.000 đồng.

Theo giấy mượn tiền đề ngày 21/12/2020, do nguyên đơn giao nộp cũng không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Như vậy giao dịch giữa hai bên không có lãi suất nên nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày phát sinh tranh chấp (ngày nộp đơn khởi kiện) nên phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 19/4/2023 là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 19/4/2023 đến ngày xét xử (ngày 29/8/2023) với số tiền làm tròn là 3.320.000 đồng.

Do đó, việc chị N yêu cầu anh N1, chị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 33.120.000 đồng (29.800.000 đồng + 3.320.000 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên anh N1 và chị H phải liên đới chịu 12.556.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (251.120.000 đồng x 5%).

Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.450.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000718 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N.

Buộc anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Hồng N số tiền vốn vay là 218.000.000 đồng, tiền lãi là

33.120.000 đồng, tổng số tiền là 251.120.000 đồng (Hai trăm năm mươi mốt triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Tây N1 và chị Võ Thị Hồng H phải liên đới chịu 12.556.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.450.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000718 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Võ Thị Kim Hoa